

Số: /2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 18 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12, ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khóa XII; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an về quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 939/BC-PC ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn (sau đây gọi chung là Công an viên ở bản) trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Số lượng: Mỗi bản bố trí 01 Công an viên.

2. Mức hỗ trợ (Mức hỗ trợ kinh phí tính theo hệ số mức lương cơ sở hiện hành).

- Công an viên ở bản loại 1: 0,59/người/tháng
- Công an viên ở bản loại 2: 0,56/người/tháng
- Công an viên ở bản loại 3: 0,53/người/tháng

(Công an viên ở bản đã hưởng chính sách tại nghị quyết này thì không được hưởng chính sách tại các Nghị quyết khác của HĐND tỉnh).

3. Mức hỗ trợ đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ:

3.1. Đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh do bố trí, sắp xếp theo quy định của nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền là 850.000 đồng.

3.2. Đối với Công an viên ở bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thuộc xã và thị trấn khi thực hiện theo nghị quyết này mà thôi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương mức hỗ trợ được hưởng tại thời điểm trước khi thôi làm nhiệm vụ, tương ứng với thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Công an viên, nhưng tối đa không quá 03 tháng, cụ thể:

STT	Thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Công an viên	Mức hỗ trợ được hưởng khi nghỉ việc
1	Dưới 12 tháng	1 tháng
2	Từ đủ 12 tháng đến dưới 15 tháng	1,2 tháng
3	Từ đủ 15 tháng đến dưới 18 tháng	1,4 tháng
4	Từ đủ 18 tháng đến dưới 21 tháng	1,6 tháng
5	Từ đủ 21 tháng đến dưới 24 tháng	1,8 tháng
6	Từ đủ 24 tháng đến dưới 27 tháng	2,0 tháng
7	Từ đủ 27 tháng đến dưới 30 tháng	2,2 tháng
8	Từ đủ 30 tháng đến dưới 33 tháng	2,4 tháng
9	Từ đủ 33 tháng đến dưới 36 tháng	2,6 tháng
10	Từ đủ 36 tháng đến dưới 39 tháng	2,8 tháng
11	Từ đủ 39 tháng trở lên	3,0 tháng

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo và bố trí trong dự toán ngân sách xã, thị trấn hằng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 6 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Văn Phòng, Cục XDPTBVANTQ - Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC.Hương.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng